

KINH TẾ TRI THỨC VÀ VẤN ĐỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

PHẠM THỊ XUÂN THỌ*

1. Kinh tế tri thức và toàn cầu hoá

1.1. Kinh tế tri thức

Vài thập kỉ trước đây, kinh tế tri thức còn xa lạ với hầu hết mọi người, thì ngày nay nó đã trở thành thuật ngữ vừa phổ biến vừa mới mẻ. Phổ biến nhờ các xa lộ thông tin nối mạng bao phủ toàn cầu và các nền kinh tế lớn đã không ngừng ứng dụng khoa học công nghệ mới vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất, nhưng nó còn mới mẻ vì kinh tế tri thức mới chỉ thể hiện rõ nét ở một số nước phát triển, phần còn lại của thế giới hầu như sự biểu hiện của kinh tế tri thức còn quá mờ nhạt, thậm chí chưa hề thấy “bóng dáng” của nó trong đời sống kinh tế xã hội. Tuy vậy, kinh tế tri thức với bản chất tập trung cao độ hàm lượng tri thức chất xám kết tinh vào mọi hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế xã hội, tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả vượt trội – đột biến, nên chính nó là xu hướng ngày càng đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia trong quá trình toàn cầu hoá. Bởi vậy, thật là sai lầm nếu chúng ta không gắn “bài toán kinh tế tri thức” vào tiến trình công nghiệp hoá – hiện đại hoá ngay từ bây giờ bằng cả lí luận nhận thức và vận dụng vào thực tiễn đất nước. Nếu như các nước phát triển trải qua tuần tự công nghiệp hoá, hiện đại hoá và bước vào nền kinh tế tri thức như hiện nay phải mất khoảng 300 năm thì Việt Nam cùng lúc đồng thời tiến hành cả công nghiệp hoá – hiện đại hoá gắn liền với kinh tế tri thức. Đó con đường nhảy vọt đột biến, là tư tưởng xuyên suốt hành động để rút ngắn khoảng cách, đi tắt đón đầu, vượt lên trong “thời đại kinh tế tri thức”.

Nhìn lại lịch sử phát triển, nền kinh tế thế giới đã có những bước chuyển biến rõ rệt trên cơ sở phát triển, ứng dụng khoa học kĩ thuật và công nghệ ngày càng sâu rộng vào sản xuất kinh doanh. Đó là các cuộc cách mạng công nghiệp, giải phóng sức lao động, đưa hoạt động sản xuất của con người dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào thiên nhiên, chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tồn tại hàng ngàn năm sang nền kinh tế công nghiệp ngày càng hiện đại và đang có những

* TS, Trường ĐHSP Tp.HCM

bước đầu tiên lên các nấc thang của nền kinh tế tri thức. Có thể nói, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất gắn liền với sự ra đời máy hơi nước, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai gắn liền với sự ra đời động cơ đốt trong, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba (hay gọi là cuộc cách mạng khoa học – công nghệ) gắn liền với sự ra đời và bùng nổ công nghệ thông tin – bắt đầu từ những năm 70 của thế kỉ XX. Đến cuối thế kỉ XX, trên thế giới xuất hiện khái niệm kinh tế tri thức chỉ sự biến đổi phát triển vượt bậc của các nền kinh tế và thoát đầu được gọi bằng nhiều tên khác nhau, như “thời kì hậu công nghiệp”, “thời kì cách mạng tin học”, “nền kinh tế kĩ thuật cao”, “kinh tế viễn thông”... Sự thật, nền kinh tế thế giới ngày nay sử dụng ngày càng nhiều công nghệ mới hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin vào sản xuất và hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đến năm 1996, lần đầu tiên, *Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế* đưa ra khái niệm “nền kinh tế lấy tri thức làm cơ sở” hay còn gọi là “nền kinh tế tri thức”.

Kinh tế tri thức, hiểu đơn giản là tri thức kết tinh tạo thành kinh tế, tri thức có giá trị hàng hoá cao, tri thức tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh và quản lí điều hành, tri thức liên tục tạo ra công nghệ mới, tri thức chiếm tỉ trọng cao trong giá trị hàng hoá hữu hình lẫn vô hình. Theo đó, trong thế kỉ XXI, tỉ trọng tri thức, chất xám kết tinh trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế xã hội theo xu hướng ngày càng tăng cao; các ngành sản xuất giản đơn, truyền thống ngày càng giảm đi. Nền kinh tế tri thức sẽ là nền kinh tế năng động, sử dụng các nguồn nguyên vật liệu và năng lượng mới, sử dụng tiết kiệm hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên hiện có và bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững, đồng thời nhanh chóng thay thế các công nghệ cũ bằng các dây chuyền công nghệ mới hiện đại hơn, để vừa tạo năng suất lao động cao, vừa hạ giá thành sản phẩm.

Các nước phát triển đã trải qua giai đoạn công nghiệp hoá mất hàng trăm năm, đến hiện đại hoá cũng gần trăm năm và đang tiến vào nền kinh tế tri thức. Các nước phát triển đã tạo ra lực lượng sản xuất hùng hậu, cơ sở vật chất – kĩ thuật to lớn hiện đại, GDP đầu người đạt đến hàng chục ngàn USD, chất lượng cuộc sống cao. Tuy nhiên, các nước phát triển cũng còn những mâu thuẫn cố hữu tồn tại khó lòng giải quyết.

Đối với nước ta, nói đến kinh tế tri thức, phải chăng còn quá sớm khi mà nước ta chưa thoát ra khỏi nước nghèo, chưa hoàn thành công nghiệp hoá nền

kinh tế? Thực tiễn đã chứng minh, về mặt trí tuệ, con người Việt Nam năng động, thông minh, có khả năng tiếp thu nhanh khoa học công nghệ tiên tiến, đã từng đạt được nhiều huy chương vàng trong các kì thi học sinh giỏi quốc tế, thi robotcon khu vực, đó là sức mạnh trí tuệ có vai trò đặc biệt đang được nhân lên trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, chiến lược xã hội hoá giáo dục. Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kinh tế tri thức đã được tiến hành ở mức độ nhất định và phát huy hiệu quả, thể hiện tính ưu việt của nó. Bởi vậy, để rút ngắn khoảng cách công nghệ với các nước trên thế giới và khu vực, để hội nhập nền kinh tế toàn cầu, gia nhập WTO, nước ta cần đồng thời đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá – hiện đại hoá gắn liền với kinh tế tri thức. Điều đó có nghĩa là, nhận thức đúng quy luật phát triển khách quan, căn cứ điều kiện thực tiễn cụ thể của đất nước, của từng vùng, căn cứ vào xu thế phát triển và bối cảnh thế giới để phát huy tối ưu sức mạnh nội lực và ngoại lực, nhằm thực hiện mục tiêu cao cả : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1.2. Toàn cầu hoá

Toàn cầu hoá là vấn đề bao trùm, chi phối sâu sắc nền kinh tế của các quốc gia, tạo ra cơ hội và thách thức trong trạng thái động hết sức khắt khe và nghiệt ngã, nó không dừng lại và không đợi chờ một ai. Đó là sự thách thức phát triển hay tụt hậu, thách thức sống hay chết trên thương trường thế giới. Do vậy, đổi mới, tự đổi mới, năng động và sáng tạo thường xuyên là con đường phát triển phía trước, không có con đường nào khác. WTO là tổ chức có những quy định chặt chẽ và khắt khe đòi hỏi các thành viên vừa hội nhập, vừa phát triển trong thế cạnh tranh. Trong môi trường WTO, với xu thế toàn cầu hoá, nền kinh tế nước ta sẽ tham gia vào thị trường thế giới và phải mở cánh cửa đón nhận sự thâm nhập công nghệ, các luồng hàng hoá từ bên ngoài đến và muốn hay không chúng ta cũng phải tham gia vào các cuộc cạnh tranh khốc liệt. Do vậy, cần thiết phải tính đến cái được, cái mất như nguy cơ mất thị trường, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường và những mặt trái nảy sinh trong quá trình hội nhập. Song song với việc ngăn chặn những mặt tiêu cực của toàn cầu hoá, chúng ta cần xây dựng chiến lược hội nhập theo lộ trình chính xác, nhằm phát huy tổng lực và lợi thế so sánh của Việt Nam trên thương trường thế giới.

2. Kinh tế Việt Nam trong thời đại kinh tế tri thức và toàn cầu hoá

2.1 Kinh tế tri thức và toàn cầu hoá đã tác động đến mọi ngành, mọi lĩnh vực sản xuất xã hội

Ngày nay, sự bùng nổ của công nghệ thông tin ngày càng lan rộng đến từng nhà, từng người, sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học công và nghệ đã biến chúng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, dẫn đến sự phân công lao động sâu sắc, tạo năng suất lao động cao chưa từng có, làm biến đổi nhanh chóng cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống. Nền kinh tế thế giới đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ, cơ cấu kinh tế thế giới chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP của các nước kinh tế phát triển giảm đến mức tối thiểu, đặc biệt như ở các nước trong OECD. Nhóm nước này có tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP chỉ khoảng 1% đến - 3%, chẳng hạn như tỷ trọng nông nghiệp của Đức chỉ chiếm 1,14% GDP năm 2004¹, con số tương ứng của các nước như Pháp 2,71%, Anh 0,97%. Trong khi Việt Nam vẫn còn chiếm tới 21,81%, Campuchia 35,55% CH Sát 60,94%, Ethiopia 46,09%. Ngược lại, ngành dịch vụ ở các nước tiên tiến chiếm tỷ trọng rất cao, như ở Đức 69,41%, Pháp 72,82%, Anh 72,44%, trong khi đó, các nước đang phát triển như Việt Nam tuy đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế khá rõ nét, nhưng ngành dịch vụ vẫn còn ở mức thấp 37,98%.

Nền kinh tế tri thức góp phần nâng cao hiệu quả của công nghệ thông tin trong các ngành, các lĩnh vực sản xuất và đời sống. Chẳng hạn trong sản xuất nông nghiệp, người ta sử dụng công nghệ thông tin để điều tiết nước tưới với thời gian và lượng nước phù hợp với sự phát triển của cây trồng và vật nuôi. Trong lĩnh vực giao thông vận tải, thông tin, thương mại, công nghệ thông tin không những mang lại sự nhanh chóng, chính xác mà còn góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo ra các thị trường qua mạng Internet... Kinh tế tri thức cũng làm cho cơ cấu hàng hoá xuất nhập khẩu của các nước cũng thay đổi. ở các nước kinh tế phát triển, cơ cấu hàng hoá xuất khẩu chủ yếu là các thiết bị, máy móc, sản phẩm của công nghiệp chế biến, ngược lại ở các nước kinh tế lạc hậu, cơ cấu hàng hoá xuất khẩu chủ yếu lại là hàng nông- lâm sản, nguyên liệu khoáng sản thô chưa qua chế biến hoặc là các ngành công nghiệp nhẹ chiếm tỉ lệ

¹ Theo Niên giám thống kê Việt Nam 2005

cao. Chẳng hạn cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam là: 31,8% hàng công nghiệp nặng và khoáng sản, 40,6% hàng công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp, 14% hàng nông sản và nông sản chế biến, 1,2% lâm sản, 12,1% thủy sản¹. Với cơ cấu hàng xuất khẩu như hiện nay của nước ta, hiệu quả kinh tế - xã hội còn rất thấp và tiềm ẩn nguy cơ cạn kiệt tài nguyên. Do vậy, lẽ tất yếu là phải tăng cường phát triển kinh tế theo chiều sâu, áp dụng KHKT cao trong sản xuất chứ không phải chỉ chú trọng đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng.

Kinh tế tri thức tạo nên sự tăng trưởng cao cho các lĩnh vực sản xuất và đời sống, góp phần tăng nhanh GDP theo đầu người. ở các nước phát triển cao, 90% tăng trưởng kinh tế là nhờ vào áp dụng kiến thức và công nghệ mới. Kinh tế tri thức cũng thúc đẩy sự áp dụng công nghệ mới trong sản xuất, nâng cao năng suất lao động nhờ nhập khẩu công nghệ mới và tăng vốn đầu tư vào sản xuất. Đối với Việt Nam, phát triển kinh tế tri thức, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sẽ góp phần tăng trưởng kinh tế nhanh liên tục, tạo đà tăng trưởng nhanh ổn định cho nền kinh tế, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho dân cư. Việc tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp tiên tiến, hỗ trợ các ngành công nghệ cao theo hướng xuất khẩu sẽ tăng khả năng hội nhập và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, giảm bớt hổng ngăn cách về khoa học công nghệ và kinh nghiệm quản lý kinh tế xã hội.

Nền kinh tế tri thức còn tạo nên xu thế liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu. Cùng với sự bùng nổ thông tin, sự tăng tốc của nhiều ngành kinh tế ở nhiều khu vực của thế giới, đã làm tăng nhanh quá trình trao đổi hàng hoá và dịch vụ do kết nối nhanh chóng nhu cầu tiêu dùng với các xí nghiệp sản xuất và kinh doanh, góp phần vận chuyển nhanh chóng các sản phẩm hàng hoá đến tay người tiêu dùng. Ngoài ra, nền kinh tế tri thức còn đáp ứng nhu cầu nguyên nhiên liệu cho sản xuất, nhu cầu mở rộng thị trường hàng hoá hữu hình và vô hình trong lĩnh vực thương mại và đầu tư, góp phần thúc đẩy tự do hoá thương mại và dẫn đến tiến trình toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới như là một quá trình tất yếu.

Như vậy, phát triển kinh tế tri thức sẽ mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại, đặc biệt làm tăng nhanh kim ngạch xuất nhập khẩu trên thế giới. Cho đến năm 2004, tổng kim ngạch xuất khẩu toàn thế giới đã lên đến 8963,4 tỉ USD, tính bình

¹ Theo Xuất khẩu hàng hóa Việt Nam năm 2002 – NXB Thống kê 2004

quân đầu người khoảng 1420 USD. Trong đó các nước kinh tế phát triển cao có giá trị xuất khẩu rất cao, như Ôxtrâyliya là 4000 USD/ người, Pháp 8382 USD/ người. Ngược lại, các nước đang phát triển có giá trị xuất khẩu tính bình quân đầu người còn rất khiêm tốn, chẳng hạn như Thái Lan là 1490 USD/ người, Trung Quốc 413,3 USD/ người, Việt Nam 297 USD/ người. Vì thế, việc áp dụng kinh tế tri thức, tăng cường khả năng xuất khẩu hàng hoá và hội nhập với nền kinh tế thế giới là vấn đề sống còn của nền kinh tế Việt Nam, góp phần giảm nguy cơ tụt hậu của nền kinh tế, tăng vị trí Việt Nam trên trường quốc tế. Kinh tế tri thức cũng góp phần tăng cường sử dụng hợp lý nguồn lao động, tài nguyên thiên nhiên.

Mặt khác, kinh tế tri thức có thể làm đảo lộn trật tự thế giới khi các nền kinh tế NICs đang trỗi dậy và kinh tế châu Á đang khởi sắc. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hóa gắn liền với kinh tế tri thức là góp phần đưa nền kinh tế nước ta phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng sánh vai với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, với sự tiếp cận khác nhau về các lĩnh vực của kinh tế tri thức có thể sẽ làm cho hố ngăn cách giữa các nước giàu và các nước nghèo ngày một xa hơn. Và hố ngăn cách ngày càng lớn sẽ tiềm ẩn nhiều vấn đề nan giải hơn trong xã hội.

2.2. Việt Nam cần tập trung phát triển kinh tế tri thức và hội nhập vào nền kinh tế thế giới

Kinh tế Việt Nam cho đến nay vẫn còn là một nền kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ, cơ cấu nền kinh tế còn lạc hậu so với thế giới và khu vực, đang đứng trước thử thách lớn như nguy cơ bị tụt hậu, cạnh tranh thị trường yếu. Theo số liệu thống kê, tỉ lệ lao động của các nước tiên tiến vào cuối thế kỉ XX đã tập trung trên 70% lao động vào các ngành dịch vụ, lao động trong ngành công nghiệp dao động từ 20 - 25%, lao động trong nông nghiệp chỉ còn là một con số ít ỏi khoảng 5%. Trong khi cơ cấu lao động Việt Nam đến năm 2003, nông nghiệp vẫn chiếm tới 58,8%, công nghiệp 17,3%, dịch vụ tuy đã tăng lên cũng chỉ đạt 23,9%. Do vậy, cần thiết phải chuyển dịch lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, đây là xu hướng tất yếu để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển nền kinh tế Việt Nam.

Hơn nữa, để tránh tụt hậu và nâng cao tính cạnh tranh của hàng hoá Việt Nam, lẽ tất yếu khi hướng vào nền kinh tế tri thức với hàm lượng chất xám cao,

Việt Nam cần phải tập trung nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT) của người lao động. Hiện nay trình độ của người lao động Việt Nam còn quá thấp, chỉ có khoảng 21% lao động có trình độ CMKT, trong đó trình độ CĐĐH chỉ chiếm 4,4%¹. So với các nước tiên tiến, trình độ lao động có trình độ cao đẳng, đại học thường chiếm khoảng 50%.

Hiện nay, các nước kinh tế phát triển cao đã tăng cường đầu tư cho giáo dục, tạo sự phát triển khoa học kỹ thuật, các nước kinh tế phát triển hàng đầu thế giới đầu tư cho giáo dục khoảng 4,9% - 7,1% GDP, đồng thời, các nước này cũng tăng cường nghiên cứu, triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất và đời sống. ở Hoa Kỳ, vốn đầu tư vào lĩnh vực này chiếm 4% GDP tức là khoảng 470 tỉ USD và Nhật Bản là 2% GDP (khoảng 93,4 tỉ USD). Từ những đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, các nước tiên tiến đã không ngừng đổi mới công nghệ, và điều đó đã góp phần làm cho nhiều ngành sản xuất của họ có thể cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Đặc biệt sự áp dụng thành tựu của công nghệ điện tử tin học đã giúp cho các nước tiên tiến hợp lý hoá trong sản xuất, nâng cao năng suất lao động, giảm tối đa lao động sống trong các ngành kinh tế, giúp họ có thể khắc phục được tình trạng khan hiếm lao động trong hiện tại và tương lai. Ngoài ra, công nghệ thông tin còn giúp cho các nước phân tích, dự báo thị trường thế giới để đưa ra đường lối phát triển kinh tế hợp lý và chính sách thương mại khôn ngoan, hữu hiệu, phù hợp với tình hình biến động của thị trường. Mặt khác công nghệ thông tin đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

Trong những năm gần đây, việc ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất và đời sống ở nước ta đã tăng nhanh chóng, số người sử dụng Internet, điện thoại, quảng cáo, bán hàng qua mạng đang tăng nhanh, tạo điều kiện cho Việt Nam nhanh chóng hội nhập vào kinh tế thế giới và khu vực.

Trong xu thế toàn cầu hoá, thương mại thế giới đang tăng nhanh tỉ trọng trao đổi trên thị trường qua mạng, đồng thời nhờ đó mà làm tăng giá trị sản xuất toàn cầu lên khoảng 300 tỉ USD/năm. Đối với Việt Nam, khi hội nhập vào nền kinh tế thế giới và gia nhập WTO cũng sẽ tăng nhanh khối lượng hàng xuất khẩu và tăng nhanh thu nhập quốc dân. Đặc biệt các mặt hàng có lợi thế so sánh như

¹ Theo số liệu năm 2003

đệt, may, giày da, hàng thuỷ sản,... sẽ có cơ hội mở rộng thị trường, tăng sản xuất và thu nhập cho các cơ sở sản xuất.

2.3. Những khó khăn thách thức đối với Việt Nam và giải pháp

2.3.1 Khó khăn và thách thức đối với Việt Nam

Trình độ khoa học kĩ thuật và sử dụng công nghệ hiện đại của các ngành sản xuất ở nước ta còn thấp, khả năng thu hút vốn đầu tư nước ngoài chậm do các nguyên nhân khách quan, chủ quan như chính sách, thủ tục làm hồ sơ và giải phóng mặt bằng chậm... Trình độ ngoại ngữ và kinh nghiệm trong tổ chức quản lí sản xuất còn yếu, chưa có kinh nghiệm trong tiếp cận thị trường thế giới nên hiệu quả trong đàm phán thương mại chưa cao.

Khoảng cách về công nghệ giữa Việt Nam và các nước trong khu vực và thế giới còn khá lớn. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta còn chậm. Việc đầu tư phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn còn ít, hiệu quả không cao. Trong hoạt động kinh tế đối ngoại, chưa phát huy hết lợi thế của đất nước. Cán cân ngoại thương vẫn nhập siêu với khối lượng lớn với 3 tỉ USD chiếm gần 10 % thu nhập GDP cả nước và đưa tỉ lệ nhập siêu lên tới 18%, là tỉ lệ cao nhất trong 5 năm gần đây. Tỉ lệ lao động thiếu việc làm ở nông thôn còn cao với khoảng 20%, và thất nghiệp trong độ tuổi lao động ở thành thị là 5,6% năm 2004. Trình độ của người lao động còn thấp so với nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và so với thế giới và khu vực.

2.3.2 Các giải pháp chính

Cải tiến các thủ tục và quảng bá khả năng thu hút vốn đầu tư, tăng cường thu hút các ngành đòi hỏi công nghệ cao nhằm nhanh chóng rút ngắn khoảng cách công nghệ giữa nước ta với các nước trên thế giới. Đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu, tăng thu nhập và tạo thế cân bằng trong cán cân thương mại, tăng cường mở rộng sản xuất, tạo việc làm cho nhân dân.

Tăng cường đầu tư cho giáo dục đào tạo, quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu phát triển sản xuất và đổi mới công nghệ. Như vậy, vấn đề đầu tiên hết sức quan trọng đối với các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng là cần:

- a. Tăng cường nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động bằng hướng đa dạng hóa các loại hình đào tạo, xã hội hóa giáo dục. Nâng cao trình độ ngoại ngữ để tạo điều kiện sử dụng các tiến bộ KHKT và công nghệ mới của thế giới, nắm bắt tình hình thế giới để dự báo các xu thế kinh tế và vạch ra các đối sách phù hợp với thị trường thế giới.
- b. Tăng cường nghiên cứu, triển khai ứng dụng KHKT đầy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất công, nông nghiệp và du lịch, dịch vụ.
- c. Chú ý phát triển nhân tài, thu hút nhân tài trong và ngoài nước, đặc biệt chú ý thu hút Việt kiều về nước chung sức phát triển đất nước, tăng cường phát triển kỹ năng lao động, quản lí, nâng cao năng lực công nghệ. Sử dụng lao động có trình độ chuyên môn cao: có kiến thức và kỹ năng cao và chuyên giao, nhân rộng thông tin, kỹ năng và kiến thức của họ cho cán bộ, công nhân của các xí nghiệp
- d. Chủ động điều tiết, đổi mới hệ thống giáo dục, đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới trong sản xuất, kết hợp giữa đào tạo trong nước và nước ngoài. Phân bổ ngân sách hợp lí, tăng cường ngân sách cho các hoạt động giáo dục, đào tạo và các hoạt động nghiên cứu khoa học kết hợp với ứng dụng triển khai.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban nghiên cứu Hàn Quốc học (2002), *Kinh tế Hàn Quốc đang trỗi dậy*, NXB Thống kê.
- [2]. Đinh Quý Độ (2004), *Trật tự kinh tế Quốc tế 20 năm đầu thế kỷ XXI*, NXB Thế giới Hà Nội.
- [3]. Kim Ngọc (2005), *Triển vọng kinh tế Thế giới 2020*, NXB Lí luận Chính trị.
- [4]. Tổng cục Thống kê (2006), *Niên giám thống kê 2005*, NXB Thống kê Hà Nội.
- [5]. Tổng cục Thống kê (2006), *Xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam 2002*, NXB Thống kê Hà Nội.
- [6]. Võ Thanh Thu (1999), *Kinh tế đối ngoại*, NXB Thống kê .
- [7]. Nguyễn Ngọc Trân (2002), *Một số vấn đề về nền kinh tế toàn cầu hiện nay*, H. NXB Thế giới.
- [8]. UNDP 2001 *Việt Nam hướng tới 2010*, NXB Chính trị Quốc gia 2010

Tóm tắt**Kinh tế tri thức và vấn đề hội nhập quốc tế của Việt Nam**

Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế tập trung cao độ hàm lượng tri thức chất xám kết tinh vào mọi hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế xã hội, tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và là nền kinh tế năng động, sử dụng các nguồn nguyên vật liệu và năng lượng mới, sử dụng tiết kiệm hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững. Phát triển kinh tế tri thức sẽ mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại, làm tăng nhanh kim ngạch xuất nhập khẩu trên thế giới tạo nên xu thế liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu. Phát triển kinh tế tri thức là vấn đề sống còn của nền kinh tế Việt Nam, góp phần giảm nguy cơ tụt hậu của nền kinh tế, tăng vị trí Việt Nam trên trường quốc tế.

Abstract:**Knowledge-based economy and international intergration of Vietnam**

Knowledge-based economy is the system in which knowledge or intellect is found in all socio-economic aspects, which helps create high productivity, quality and efficiency. This is a dynamic economy where, many new sources of raw materials and power are used, natural resources are reasonably used, and long-term environment protection is considered. Knowledge-based economy will help enhance the external affair activities, making the export revenue increase rapidly worldwide. Knowledge improvement is the vital issue of Vietnam economic background, helping to reduce the level of lagging of the economic background, boosting the position of Vietnam on the international field.